

Số: 772/QĐ-ĐHSPTDTTHN

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSPTDTTHN

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-TTg ngày 05/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Tây (Nay là Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội);

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư 05/2024/TT-BGDĐT ngày 29/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và trường cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ, xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức;

Căn cứ Thông tư 66/2024/TT-BTC ngày 6/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập. Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT ngày 04/3/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch



công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ về việc ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1559/QĐ-BGDĐT ngày 04/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương, nâng bậc lương; nghỉ hưu, kéo dài thời gian công tác đối với viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3867/QĐ-BGDĐT ngày 05/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phân cấp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị Quyết số 139/NQ-HĐT ngày 03/4/2024 của Hội đồng trường về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-HĐT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội; Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 31/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 148/NQ-HĐT ngày 31 tháng 7 năm 2024 về Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 150/NQ-HĐT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng Trường ban hành quy chế về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, sĩ quan, người lao động tại trường đại học Sư phạm TDTT Hà Nội;

Theo đề nghị của trưởng Phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Hành chính-tổng hợp, Kế hoạch tài chính, các đơn vị thuộc và trực thuộc nhà trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



Nguyễn Duy Quyết

QUY CHẾ
XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~4.12~~ 4.12-QĐ/ĐHSPTDTTHN ngày 25/8/2025)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng dự xét thăng hạng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức làm việc tại các đơn vị phòng, khoa, Trung tâm thuộc và trực thuộc trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội.

2. Đối tượng dự xét thăng hạng

a) Đối với chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính

- Chức danh chuyên viên (hạng III)-Mã số 01.003: Viên chức hiện giữ chức danh cán sự-Mã số 01.004 đang làm việc tại đơn vị theo khoản 1 Điều này, có đủ các điều kiện dự xét thăng hạng theo quy định.

- Chức danh Chuyên viên chính (hạng II)-Mã số 01.002: Viên chức hiện giữ chức danh chuyên viên (hạng III)-Mã số 01.003) đang làm việc tại đơn vị theo khoản 1 Điều này, có đủ các điều kiện dự xét thăng hạng theo quy định.

- Chức danh Chuyên viên cao cấp (hạng I)-Mã số 01.001: Viên chức hiện giữ chức danh chuyên viên chính (mã ngạch 01.002) đang làm việc tại đơn vị theo khoản 1 Điều này, có đủ các điều kiện dự xét thăng hạng theo quy định.

- Chức danh Thư viện viên (hạng II)-Mã số V.10.02.05: Viên chức hiện giữ chức danh nghề nghiệp Thư viện viên (hạng III)-Mã số V.10.02.06 đang làm việc tại đơn vị theo khoản 1 Điều này, có đủ các điều kiện dự xét thăng hạng theo quy định.

- Chức danh Kế toán viên (hạng II)-Mã số V.06.030: Viên chức hiện giữ chức danh nghề nghiệp Kế toán viên (hạng III)-Mã số V.06.031 đang làm việc tại đơn vị theo khoản 1 Điều này, có đủ các điều kiện dự xét thăng hạng theo quy định.

- Chức danh văn thư viên chính (hạng II)-mã số 02.006: Viên chức hiện giữ chức danh nghề nghiệp văn thư viên (hạng III)- mã số 02.007 đang làm việc tại đơn vị theo khoản 1 Điều này, có đủ các điều kiện dự xét thăng hạng theo quy định.

b) Đối với chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy

- Chức danh Giảng viên chính (hạng II)-Mã số V.07.01.02: Đối tượng dự xét thăng hạng: Viên chức hiện giữ chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III)-V.07.01.03 đang giảng dạy tại đơn vị theo khoản 1 Điều này, có đủ các điều kiện dự xét thăng hạng theo quy định.

- Chức danh Giảng viên cao cấp (hạng I)- Mã số V.07.01.01: Đối tượng dự xét thăng hạng: Viên chức hiện giữ chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (hạng II)- Mã số V.07.01.02 đang giảng dạy tại đơn vị theo khoản 1 Điều này, có đủ các điều kiện dự xét thăng hạng theo quy định.

Điều 2. Nguyên tắc xét thăng hạng

1. Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp nhà trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Viên chức được đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nếu nhà trường có nhu cầu và đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Mục 1

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN CHUNG

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện chung đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

- Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

- Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2. Ngoài tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đối với trường hợp thăng lên hạng II và hạng I thuộc ngành, lĩnh vực quản lý gắn với yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét, bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và quyền lợi của viên chức.

Quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng đối với trường hợp thăng lên hạng II và hạng I áp dụng cho viên chức hành chính, viên chức văn thư và viên chức lưu trữ theo quy định của Bộ Nội vụ.

a) Đối với viên chức hạng V và viên chức hạng IV được xét thăng lên hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề nếu đang làm công việc ở vị trí việc làm phù hợp với chức danh nghề nghiệp được xét và đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện xét theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với trường hợp viên chức đang xếp ở hạng chức danh nghề nghiệp mà hạng chức danh nghề nghiệp này không còn theo quy định của pháp luật hiện hành thì được xét thăng lên hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ nếu đang công tác ở vị trí việc làm phù hợp và đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp có sự thay đổi mã số chức danh nghề nghiệp.”

Mục 2

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG ĐỐI VỚI TỪNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II)-Mã số V.07.01.02

Viên chức giảng dạy tại các đơn vị thuộc và trực thuộc trường Đại học Sư phạm Thủ Đức Thủ khoa Hà Nội được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II)-Mã số V.07.01.02 khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Nhà trường có nhu cầu, có vị trí việc làm còn thiếu ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức xét thăng hạng và được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

2. Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03.

3. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.

4. Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03; đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II)-Mã số V.07.01.02 quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo

dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập và Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01

Viên chức giảng dạy tại các đơn vị thuộc và trực thuộc trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01 khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Nhà trường có nhu cầu, có vị trí việc làm còn thiếu ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức xét thăng hạng và được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng.
2. Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02.
3. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật.
4. Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02; đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01 quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT.

Điều 6. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư

1. Viên chức hành chính xét thăng hạng lên hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- a) Các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ);
- b) Đề án vị trí việc làm của nhà trường được xây dựng, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật có vị trí việc làm của chức danh viên chức dự xét thăng hạng;
- c) Được Hiệu trưởng cử dự xét thăng hạng;
- d) Có thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh chuyên viên thì thời gian giữ chức danh chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng (nếu có thời gian giữ chức danh chuyên viên không liên tục thì được cộng dồn);

đ) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương được Hiệu trưởng cử dự xét thăng hạng xác nhận bằng văn bản (kèm theo hồ sơ) có một trong các nhiệm vụ khoa học sau:

- Tham gia xây dựng quy chế, quy định, quy trình kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị nơi công tác đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

- Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

- Tham gia xây dựng đề án, văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

e) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên và tương đương có một trong các thành tích công tác sau:

- Có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên;

- Có ít nhất 02 năm công tác được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Viên chức hành chính xét thăng hạng lên hạng I khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có đủ các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này;

b) Có thời gian giữ chức danh chuyên viên chính và tương đương từ đủ 06 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh chuyên viên chính thì thời gian giữ chức danh chuyên viên chính tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh chuyên viên chính không liên tục thì được cộng dồn);

c) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên chính và tương đương được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng xác nhận bằng văn bản (kèm theo hồ sơ) có một trong các nhiệm vụ khoa học sau:

- Chủ trì xây dựng quy chế, quy định, quy trình kỹ thuật thuộc ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị nơi công tác đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

- Tham gia xây dựng đề án, văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao thực hiện xác nhận;

d) Trong thời gian giữ chức danh chuyên viên chính và tương đương có một trong các thành tích sau:

- Có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên;

- Có ít nhất 03 năm công tác được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Viên chức văn thư xét thăng hạng lên hạng II khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- a) Có đủ các điều kiện quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này;
- b) Có thời gian giữ chức danh văn thư viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với chức danh văn thư viên thì thời gian giữ chức danh văn thư viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng (nếu thời gian giữ chức danh văn thư viên không liên tục thì được cộng dồn);
- c) Trong thời gian giữ chức danh văn thư viên và tương đương có một trong các thành tích công tác sau:
 - Có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên;
 - Có ít nhất 02 năm công tác được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4. Trường hợp viên chức được Hiệu trưởng cử dự xét thăng hạng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều này thì được xác định là đáp ứng yêu cầu về năng lực của hạng chức danh nghề nghiệp dự xét (bao gồm cả kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số).

Điều 7. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính

1. Đối với nhà trường:
 - a) Có vị trí việc làm còn thiếu theo cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - b) Có nhu cầu và cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
2. Đối với viên chức được cử tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:
 - a) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ và Điều 6 Thông tư 66/2024/TT-BTC ngày 6/9/2024 của Bộ Tài chính;
 - b) Đang giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó, phải có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
 - c) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản, nhiệm vụ khoa học từ cấp cơ sở trở lên, được cấp có thẩm quyền nghiệm thu ban hành, gồm: Văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học hoặc văn bản nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp kế toán viên chính;

- Cấp cơ sở có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, gồm: cơ quan hành chính, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập; Cục, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố; Hội đồng nhân dân cấp huyện, các Ban trực thuộc Hội đồng Nhân dân các tỉnh, thành phố;

- Hồ sơ tham gia nghiên cứu, xây dựng văn bản, đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học, cụ thể như sau: Có quyết định tham gia Ban soạn thảo, Tổ soạn thảo hoặc Tổ biên tập xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hoặc có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền đối với trường hợp không thành lập Ban soạn thảo, Tổ soạn thảo hoặc Tổ biên tập; Có quyết định tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học, văn bản nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán hoặc có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền.

Chương II

TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

Điều 8. Thời gian tiến hành xét thăng hạng viên chức

Căn cứ Quy chế này, Quý I hàng năm nhà trường thông báo nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đến các đơn vị, cá nhân thuộc và trực thuộc phạm vi quản lý. Xây dựng đề án thăng hạng chức danh nghề nghiệp, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Quý II: Thông báo thu hồ sơ xét tuyển thăng hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn bị cho công tác xét tuyển.

Quý III+ IV: Tổ chức xét tuyển thăng hạng chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo quy định.

Thời gian trên có thể thay đổi để phù hợp tình hình thực tế

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp quy định tại Điều 33 (Nghị định số 115/NĐ-CP và Nghị định số 85/NĐ-CP) thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
2. Tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
3. Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
4. Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
5. Công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
6. Kiểm tra, giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Điều 10. Cử viên chức tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 31 (Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP), bộ phận Tổ chức cán bộ lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Bộ phận Tổ chức cán bộ tham mưu Hiệu trưởng cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự xét thăng hạng và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của nhà trường;

2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị thuộc và trực thuộc nhà trường về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

3. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

a) Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

b) Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 (Nghị định số 115/2023/NĐ-CP và Nghị định số 85/2020/NĐ-CP) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

4. Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Điều 12. Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, nhà trường phải xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng. Nội dung của Đề án gồm:

a) Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có của nhà trường; số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và đề xuất chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo Mẫu số 05 ban hành theo Nghị định số 115/NĐ-CP và Nghị định số 85/NĐ-CP);

b) Danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo số 115/NĐ-CP và Nghị định số 85/NĐ-CP);

c) Dự kiến thành viên tham gia Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

d) Tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

đ) Dự kiến thời gian, địa điểm và các nội dung khác để tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Nhà trường thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Hiệu trưởng thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng hoặc phó Hiệu trưởng nhà trường;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của nhà trường tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- c) Các ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Hiệu trưởng quyết định, trong đó có 01 ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

2. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết. Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- a) Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- b) Thành lập các bộ phận giúp việc: Ban thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thành lập Tổ thư ký giúp việc;
- c) Tổ chức thu phí xét thăng hạng và sử dụng theo quy định;
- d) Tổ chức thi, chấm thi, chấm phúc khảo hoặc tổ chức xét hồ sơ, kiểm tra, sát hạch theo quy chế;
- đ) Báo cáo Hiệu trưởng công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- g) Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Điều 14. Nội dung, hình thức xét thăng hạng

1. Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 (Nghị định số 115/NĐ-CP và Nghị định số 85/NĐ-CP) đối với viên chức dự xét thăng hạng.

2. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

Điều 15 Chuẩn bị tổ chức xét thăng hạng

Căn cứ quy định hiện hành về tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, Chủ tịch Hội đồng quyết định cụ thể cách thức tổ chức thẩm định hồ sơ, Phiếu thẩm định hồ sơ và các biểu mẫu phục vụ việc thẩm định hồ sơ; phải bảo đảm tính chính xác, công bằng, khách quan, khoa học và đúng quy định của pháp luật.

Điều 16. Tổ chức thẩm định hồ sơ dự xét thăng hạng

1. Các thành viên thẩm định hồ sơ được phân công thẩm định cùng 01 hồ sơ dự xét thì cùng tiến hành thẩm định chung đối với hồ sơ đó.

2. Căn cứ thành phần hồ sơ dự xét và tiêu chí thẩm định hồ sơ, thành viên thẩm định hồ sơ đánh giá việc hồ sơ dự xét có đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và ghi kết quả đánh giá, thông tin liên quan (nếu có) vào Phiếu thẩm định hồ sơ.

3. Khi thẩm định hồ sơ, nếu các thành viên thẩm định hồ sơ không thống nhất kết quả thẩm định thì chuyển hồ sơ dự xét và kết quả thẩm định của các thành viên lên Trưởng ban thẩm định để xem xét, quyết định hoặc báo cáo Trưởng ban thẩm định tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định.

4. Kết quả thẩm định của từng hồ sơ dự xét được tổng hợp vào bảng tổng hợp chung kết quả thẩm định có chữ ký của các thành viên tham gia thẩm định hồ sơ và Trưởng ban thẩm định hồ sơ.

5. Trưởng ban thẩm định bàn giao kết quả thẩm định của từng hồ sơ dự xét, bảng tổng hợp chung kết quả thẩm định được đóng trong túi còn nguyên niêm phong cho Hội đồng.

6. Khi giao, nhận phải lập biên bản bàn giao, có chữ ký xác nhận của bên giao, bên nhận, đại diện Hội đồng, đại diện Ban giám sát.

7. Căn cứ số lượng hồ sơ dự xét, tính chất hoạt động nghề nghiệp, tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, Hội đồng có thể trực tiếp thẩm định hồ sơ theo quy định tại Điều này mà không phải thành lập Ban thẩm định hồ sơ.

Điều 17. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/NĐ-CP và Nghị định số 85/NĐ-CP), được Hiệu trưởng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

2. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận, cụ thể theo thứ tự ưu tiên sau:

- Căn cứ kết quả đánh giá xếp loại chất lượng viên chức trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét

- Số lần đạt được thành tích trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được công nhận danh hiệu, tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh trở lên trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét

- b) Viên chức là nữ;
- c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì Hiệu trưởng quyết định người trúng tuyển.

Điều 18. Thông báo kết quả xét thăng hạng

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của nhà trường.

Điều 19. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hiệu trưởng phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, Hiệu trưởng quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Về tiêu chí sử dụng ngoại ngữ và tin học

a) Tiêu chí sử dụng ngoại ngữ

- Trường hợp người dự xét thăng hạng chưa có chứng chỉ ngoại ngữ theo yêu cầu tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24-01-2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thì được vận dụng chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B, trình độ C (như trước ngày

Thông tư trên có hiệu lực¹) để tham dự xét thăng hạng tương ứng với viên chức chính (hạng II) và viên chức cao cấp (hạng I).

- Viên chức có bằng thạc sĩ tính từ ngày 15-4-2011 trở lại đây¹ hoặc có Bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài; bằng tốt nghiệp đại học Ngoại ngữ chuyên ngành được vận dụng đủ tiêu chuẩn về ngoại ngữ để dự xét thăng hạng viên chức chính (hạng II). Viên chức có bằng tiến sĩ tính từ ngày 22-6-2009 trở lại đây hoặc có bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài được vận dụng đủ tiêu chuẩn về ngoại ngữ để dự xét thăng hạng viên chức cao cấp (hạng I)²

b) Tiêu chí sử dụng tin học

Trường hợp người dự xét chưa đáp ứng được tiêu chuẩn tin học theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11-3-2014 và Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21-6-2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin thì được vận dụng chứng chỉ tin học văn phòng tương ứng với các chức danh đã được cấp trước ngày Thông tư trên có hiệu lực để dự xét thăng hạng³

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hàng năm, sau khi có thông báo của nhà trường về xác định nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp, các đơn vị thuộc và trực thuộc trường lập danh sách viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo vị trí, chức danh chuyên môn nghiệp vụ về bộ phận Tổ chức cán bộ để tổng hợp số lượng viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 22. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về lãnh đạo nhà trường (thông qua bộ phận Tổ chức cán bộ) để phòng báo cáo lãnh đạo nhà trường xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

Điều 23. Các nội dung khác có liên quan đến xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức chưa được quy định trong quy chế này thực hiện theo quy định của pháp luật.

¹ Công văn số 3755/BGDĐT-GDTrX ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học

² Theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 về ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, ngày 15/02/2012, trước khi bảo vệ luận án có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo khung Châu Âu trở lên.

³ Áp dụng theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDTrX ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.